

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Như H, sinh năm 1998; Thường trú: Số 50, B, tổ B, khu phố N, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 58, đường S, tổ B, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị H có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Như H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Như H và anh Nguyễn Duy C có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 07/3/2019. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ Số 58, đường S, tổ B, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau 02 tháng chung sống thì chị H về nhà mẹ ruột để chuẩn bị sinh con và sau đó sinh con. Đến tháng 12 năm 2019, chị H cùng con

về nhà anh C sinh sống, từ đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C có tính cách gia trưởng, luôn muốn mọi việc trong nhà đều phải theo ý anh. Ngoài ra anh C cũng là người nóng tính, vì vậy đã có lần anh C đánh chị H. Từ cuối năm 2019, chị H cùng con trở về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/8/2019. Hiện nay con đang sống cùng chị H. Trong suốt thời gian ly thân, anh C không đến thăm con và không quan tâm đến cuộc sống của con. Hiện nay, chị H làm nhân viên tư vấn khách hàng của Công ty phần mềm Quang Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn bán hàng mỹ phẩm trực tuyến với thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đăng Kh, không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Duy C đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Duy C không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 20/7/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Trịnh Như H và anh Nguyễn Duy C tại địa phương và được cung cấp: Chị H và anh C là vợ chồng có 01 con chung, trước đây có chung sống tại tổ B, thôn B, xã T. Từ tháng 6/2020 cho đến nay, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh C vẫn ở tại địa chỉ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Như H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/8/2019 cho chị Trịnh Như H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Như H không yêu cầu anh Nguyễn Duy C cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/9/2020 và ngày 23/9/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Như H và anh Nguyễn Duy C tìm hiểu nhau 02 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 07/3/2019 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Trịnh Như H cho rằng anh C có tính cách gia trưởng, luôn muốn mọi việc trong nhà đều phải theo ý anh. Ngoài ra anh C cũng là người nóng tính, vì vậy đã có lần anh C đánh chị H. Từ cuối năm 2019 cho đến nay, chị H cùng con trở về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc con.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Duy C đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Duy C không có mặt, chị Trịnh Như H cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Duy C. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Duy C bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Trịnh Như H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Trịnh Như H và anh Nguyễn Duy C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trịnh Như H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/8/2019.

Xét, trong suốt quá trình tố tụng, anh C vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Chị H làm nhân viên tư vấn khách hàng của Công ty phần mềm Quang Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn bán hàng mỹ phẩm trực tuyến với thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng nên có thể đảm bảo những điều kiện phát triển tốt cho con. Cháu Nguyễn Đăng Kh còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ và thực tế cháu Kh hiện đang sống cùng chị H, được chị trực tiếp chăm sóc nuôi dạy. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Từ những nhận định trên, giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Trịnh Như H đối với anh Nguyễn Duy C và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Như H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Như H đối với anh Nguyễn Duy C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Như H được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Giao cho chị Trịnh Như H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 13/8/2019.

Sau ly hôn, chị Trịnh Như H và anh Nguyễn Duy C đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh C lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trịnh Như H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003723, ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Trịnh Như H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Dung